TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nghiêm Văn Luyến

Ông Phan Quốc Văn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1985; địa chỉ: xóm 6, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1980; địa chỉ: xóm 9, xã R, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị Yên trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã R, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 11/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra xung đột. Nguyên nhân là do anh G có tính chơi bời, bài bạc, không có trách nhiệm gì với gia đình.

Chị cùng với gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh G vẫn không sửa chữa mà còn vi phạm pháp luật, nên anh G đang phải chấp hành án tại phân trại C3 (hiện nay đã chuyển sang phân trại 4) Trại giam T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/10/2007. Hiện nay cháu Tuấn A đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 09/4/2018, bị đơn Nguyễn Văn G trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Y kết hôn vào ngày 12/8/2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng mâu thuẫn nhau do hoàn cảnh anh đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 04, Trại giam T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị Y làm đơn yêu cầu ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung như chị Y trình bày là đúng. Hiện nay anh đang chấp hành án nên anh đồng ý để chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh G đang chấp hành án tại Trại giam T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Anh G đã có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xét xử vắng mặt anh G.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y; giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/10/2007 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu; chị Y phải chịu án phí DSST về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Trần Thị Y có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn G. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Anh Nguyễn Văn G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh G.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp (anh G trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 12/8/2006 là không phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 11/11/2006 do chị Y xuất trình). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Y trình bày là do anh G có tính chơi bời, bài bạc, không có trách nhiệm gì đến gia đình, anh G còn vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành án phạt tù; còn theo anh G trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do hoàn cảnh anh đang chấp hành án phạt tù tại phân trại 4, Trại giam T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Xét thấy cả hai bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không đạt được, chị Y đề nghị được ly hôn, anh G cũng nhất trí ly hôn, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Y, cho ly hôn giữa chị Y và anh G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/10/2007 (anh G trình bày cháu Nguyễn Tuấn A sinh ngày 21/8/2006 là không phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 235 ngày 27/12/2008 do chị Y xuất trình). Xét thấy hiện nay anh G đang phải chấp hành án phạt tù, anh cũng đồng ý để cho chị Y được trực tiếp nuôi con và nguyện vọng của cháu Tuấn A là được ở với mẹ nên HĐXX chấp nhận đề nghị của chị Y, giao cháu Nguyễn Tuấn A cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản: Hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Y, cho ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn G.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/10/2007 cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Y không yêu cầu. Anh G có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2016/0002720 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị Y đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã R, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến